

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **187/2023/DS-ST**
Ngày: **03/7/2023**.
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đình Thung**
- Bà Trần Thị Ngọc Hân**

Thư ký phiên tòa: bà **Trần Thị Ngọc Thúy**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây: không tham gia phiên tòa

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2023/TLST-DS ngày 07/03/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐST-DS ngày 29/5/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 47/2022/QĐST-DS ngày 14/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **NGUYỄN THỊ HUỆ M** – sinh năm 1995;

Địa chỉ: ấp 2, xã M, huyện B, tỉnh Long An,

- Bị đơn: Anh **ĐẶNG THANH H** – sinh năm 1986;

Chị **NGUYỄN THỊ THÚY V** – sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp X, xã B, huyện G, Tiền Giang;

(Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ M trình bày: ngày 27/01/2023 chị có cho anh Đặng Thanh H và chị Nguyễn Thị Thúy V mượn số tiền 40.100.000 đồng để làm vốn buôn bán dịp tết 2023 hẹn chị 01 tháng trả tiền, không có lãi. Khi mượn tiền chị V và anh H có viết biên nhận cho chị. Cũng trong ngày 27/1/2023 chị V và anh H có nhờ chị vay dùm 8.000.000 đồng trả lãi 3 triệu tháng. Chị V và anh H có viết biên nhận cho chị. Từ khi nhận tiền đến nay chị V, anh H chưa trả tiền cho chị

khoản tiền nào. Nay chị M yêu cầu chị V và anh H trả lại chị số tiền 48.100.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngày 15/3/2023 chị M có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền 8.000.000 đồng.

* Bị đơn anh Đặng Thanh H và chị Nguyễn Thị Thúy V đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H, chị V nhưng anh H, chị V không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị M.

Tại phiên Tòa hôm nay

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huệ M xin vắng mặt và yêu cầu anh Đặng Thanh H và chị Nguyễn Thị Thúy V trả lại số tiền 40.100.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi. Đối với số tiền 8.000.000 đồng chị M rút yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Đặng Thanh H và chị Nguyễn Thị Thúy V vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[1] Xét nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Huệ M có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt chị M.

[2] Xét bị đơn anh Đặng Thanh H và chị Nguyễn Thị Thúy V đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng anh H, chị V vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh H, chị V.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huệ M là có cơ sở: vì chị M có cho anh Đặng Thanh H và chị Nguyễn Thị Thúy V vay số tiền 40.100.000 đồng vào ngày 27/01/2023 để làm vốn mua bán, không có lãi, với thời hạn là mỗi tuần trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng anh H, chị V không thực hiện, kéo dài cho đến nay. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị M cung cấp tờ "Giấy mượn nợ" ngày 27/1/2023 có chữ viết và chữ ký của anh H, chị V. Do đó, có đủ cơ sở để xác định giữa chị M với anh H, chị V đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, phía anh H, chị V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên cần buộc anh H, chị V có trách nhiệm trả cho chị M số tiền 40.100.000 đồng là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Đối với số tiền 8.000.000 đồng chị M rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu này của chị M

[5] Về tiền lãi: chị M không yêu cầu tính tiền lãi nên không xem xét.

[6] Về thời gian trả: chị M yêu cầu anh H, chị V trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu này của chị M là có cơ sở vì số tiền này anh H, chị V để lâu không trả cho chị M đã ảnh hưởng đến quyền lợi của chị M, nên cần buộc anh H, chị V trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 175, 179, 227, 228, 233, 235, 244 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 275, 280, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huệ M

Buộc anh Đặng Thanh H và chị Nguyễn Thị Thúy V có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Huệ M số tiền **40.100.000** đồng (bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Huệ M về việc yêu cầu anh Đặng Thanh H và chị Nguyễn Thị Thúy V trả lại số tiền 8.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: anh Đặng Thanh H và chị Nguyễn Thị Thúy V phải chịu **2.005.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Huệ M **1.203.000** đồng tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp theo biên lai thu số 0026907 ngày 07/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- THA.DS huyện Gò Công Tây
- Các đương sự.
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Tuấn Anh

